

UBND HUYỆN BÀU BÀNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 614 /PTCKH

Bà Rịa, ngày 01 tháng 12 năm 2021

V/v thực hiện công khai
ngân sách.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Bà Rịa.

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Công văn 2938/STC-QLNS ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Sở Tài chính tỉnh Bình Dương về việc thực hiện công khai ngân sách;

Căn cứ Công văn 4371/STC-QLNS ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Sở Tài chính tỉnh Bình Dương về việc thực hiện công khai ngân sách.

Căn cứ trên trong thời gian qua huyện đã ban hành công khai ngân sách năm 2021 như sau:

1. Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bà Rịa về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020.

2. Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bà Rịa về việc công bố công khai dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2021.

3. Phụ lục công khai thu, chi ngân sách theo quý I, II, III năm 2021

(Kèm theo phụ lục chi tiết từng quý)

Nhưng các nội dung trên chưa được công bố trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện. Do đó Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện kính trình Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo bộ phận quản lý (Cổng/Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện) công bố những nội dung nêu trên, trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện.

Kính trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Lưu VT.



Đỗ Văn Thanh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Ước thực Quý 1 năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	473.969	110.386	23%	248%
I	Thu cân đối NSNN	473.969	110.386	23%	248%
1	Thu nội địa	473.969	110.386	23%	248%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	748.878	164.290	22%	161%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	748.878	164.290	22%	161%
1	Chi đầu tư phát triển	132.100	25.475	19%	232%
	Chi chuyển nguồn đầu tư XDCB				
2	Chi thường xuyên	600.778	138.815	23%	153%
3	Dự phòng ngân sách	16.000			
4	Chi tạm ứng				
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh				

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện Quý 1 năm 2019	So sánh ước	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	473.969	110.386	23%	248%
I	Thu nội địa	473.969	110.386	23%	248%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế quốc doanh	107.639	25.632	24%	146%
4	Thuế thu nhập cá nhân	53.069	10.267	19%	147%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	19.470	2.500	13%	109%
7	Thu phí, lệ phí	6.335	1.584	25%	99%
8	Các khoản thu về nhà, đất	271.203	66.340	24%	506%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	2.843	250	9%	227%
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	203.437	50.859	25%	391%
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	64.923	15.231	23%	
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	16.253	4.063	25%	140%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	158.889	34.979	22%	290%
1	Từ các khoản thu phân chia	101.182	22.093	22%	684%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	57.707	12.886	22%	146%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện Quý 1 năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (A+B)	748.878	164.290	22%	161%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	748.878	164.290	22%	161%
I	Chi đầu tư phát triển	132.100	25.475	19%	232%
	Chi chuyển nguồn đầu tư xây dựng cơ bản				
II	Chi thường xuyên	600.778	138.815	23%	153%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề	197.113	47.926	24%	157%
2	Chi SN khoa học và công nghệ	700	158	23%	
3	Chi SN y tế, dân số và gia đình	35.000	5.917	17%	126%
4	Chi SN văn hóa thông tin, thể thao	8.780	3.032	35%	178%
5	Chi SN phát thanh	3.950	579	15%	105%
6	Chi SN bảo vệ môi trường	28.497	7.375	26%	134%
7	Chi SN kinh tế	66.821	10.668	16%	296%
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính,	59.308	11.942	20%	80%
9	Chi bảo đảm xã hội	25.240	7.103	28%	118%
10	Chi An ninh - Quốc phòng	22.202	5.850	-	-
	- An ninh	10.571	2.381		
	- Quốc phòng	11.631	3.469		
11	Chi khác ngân sách	6.937	1.578	23%	126%
12	Chi ngân sách xã, thị trấn	146.230	36.686	25%	188%
III	Dự phòng ngân sách	16.000			
IV	Chi tạm ứng				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường				

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Ước thực Quý II năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	473.969	387.758	82%	872%
I	Thu cân đối NSNN	473.969	387.758	82%	872%
1	Thu nội địa	473.969	387.758	82%	872%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	748.878	318.713	43%	313%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	748.878	318.713	43%	313%
1	Chi đầu tư phát triển	132.100	56.500	43%	514%
	Chi chuyển nguồn đầu tư XD CB				
2	Chi thường xuyên	600.778	262.213	44%	289%
3	Dự phòng ngân sách	16.000			
4	Chi tạm ứng				
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh				

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện Quý II năm 2021	So sánh ước	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	473.969	387.758	82%	872%
I	Thu nội địa	473.969	387.758	82%	872%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế quốc doanh	107.639	210.917	196%	1201%
4	Thuế thu nhập cá nhân	53.069	43.510	82%	622%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	19.470	12.739	65%	554%
7	Thu phí, lệ phí	6.335	3.696	58%	231%
8	Các khoản thu về nhà, đất	271.203	102.139	38%	779%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	2.843	720	25%	655%
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	203.437	89.336	44%	687%
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	64.923	12.083	19%	
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	16.253	14.757	91%	509%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	158.889	129.517	82%	1074%
1	Từ các khoản thu phân chia	101.182	38.218	38%	1183%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	57.707	91.299	158%	1034%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện Quý II năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (A+B)	748.878	318.713	43%	313%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	748.878	318.713	43%	313%
I	Chi đầu tư phát triển	132.100	56.500	43%	514%
	Chi chuyển nguồn đầu tư xây dựng cơ bản				
II	Chi thường xuyên	600.778	262.213	44%	289%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề	197.113	92.426	47%	303%
2	Chi SN khoa học và công nghệ	700	358	51%	
3	Chi SN y tế, dân số và gia đình	35.000	10.117	29%	215%
4	Chi SN văn hóa thông tin, thể thao	8.780	4.831	55%	284%
5	Chi SN phát thanh	3.950	1.079	27%	196%
6	Chi SN bảo vệ môi trường	28.497	13.875	49%	252%
7	Chi SN kinh tế	66.821	16.868	25%	469%
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính,	59.308	26.942	45%	180%
9	Chi bảo đảm xã hội	25.240	12.603	50%	210%
10	Chi An ninh - Quốc phòng	22.202	10.350	-	-
	- An ninh	10.571	4.381		
	- Quốc phòng	11.631	5.969		
11	Chi khác ngân sách	6.937	2.578	37%	206%
12	Chi ngân sách xã, thị trấn	146.230	70.186	48%	360%
III	Dự phòng ngân sách	16.000			
IV	Chi tạm ứng				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường				

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Ước thực Quý III năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	473.969	506.391	107%	1139%
I	Thu cân đối NSNN	473.969	506.391	107%	1139%
1	Thu nội địa	473.969	506.391	107%	1139%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	738.878	432.338	59%	424%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	738.878	432.338	59%	424%
1	Chi đầu tư phát triển	122.100	94.563	77%	860%
	Chi chuyển nguồn đầu tư XDCB				
2	Chi thường xuyên	600.778	337.775	56%	372%
3	Dự phòng ngân sách	16.000			
4	Chi tạm ứng				
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh				

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện Quý III năm 2021	So sánh ước	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	473.969	506.391	107%	1139%
I	Thu nội địa	473.969	506.391	107%	1139%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế quốc doanh	107.639	320.487	298%	1825%
4	Thuế thu nhập cá nhân	53.069	46.618	88%	666%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	19.470	12.918	66%	562%
7	Thu phí, lệ phí	6.335	4.452	70%	278%
8	Các khoản thu về nhà, đất	271.203	103.790	38%	792%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	2.843	777	27%	706%
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	203.437	86.031	42%	662%
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	64.923	16.982	26%	
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	16.253	18.126	112%	625%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	158.889	173.118	109%	1436%
1	Từ các khoản thu phân chia	101.182	41.014	41%	1269%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	57.707	132.104	229%	1496%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện Quý III năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (A+B)	823.130	432.338	53%	424%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	823.130	432.338	53%	424%
I	Chi đầu tư phát triển	122.100	94.563	77%	860%
	Chi chuyển nguồn đầu tư xây dựng cơ bản				
II	Chi thường xuyên	691.530	337.775	49%	372%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề	194.613	100.091	51%	328%
2	Chi SN khoa học và công nghệ	1.350	385	29%	
3	Chi SN y tế, dân số và gia đình	47.500	20.048	42%	427%
4	Chi SN văn hóa thông tin, thể thao	9.780	4.485	46%	264%
5	Chi SN phát thanh	2.950	1.012	34%	184%
6	Chi SN bảo vệ môi trường	26.497	7.511	28%	137%
7	Chi SN kinh tế	63.926	15.771	25%	438%
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính,	52.308	22.451	43%	150%
9	Chi bảo đảm xã hội	88.240	68.752	78%	1146%
10	Chi An ninh - Quốc phòng	46.202	16.746	-	-
-	<i>An ninh</i>	12.071	3.708		
-	<i>Quốc phòng</i>	34.131	13.038		
11	Chi khác ngân sách	9.689	1.691	17%	135%
12	Chi ngân sách xã, thị trấn	148.475	78.832	53%	404%
III	Dự phòng ngân sách	9.500			
IV	Chi tạm ứng				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường				